



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Hà Nội: Số 91 Chùa Láng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam - Tel: (84-4) 8344 403 - Fax: (84-4) 8343 605
Cơ sở 2 HCM: Số 15, Đường D5, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84-8) 5127 254 - Fax: (84-8) 5127 255 - Email: cfi@ftu.edu.vn - Website: www.ftu.edu.vn

CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN MÁC – LÊNIN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

GV: Nguyễn Hoàng Mỹ Linh

Tel: 0989.696.698

Email: linhnhm@ftu.edu.vn

**FOREIGN TRADE
UNIVERSITY**



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- GS.,TS Nguyễn Thị Mơ và PGS.,TS Hoàng Ngọc Thiết, **Giáo trình “Pháp lý đại cương”**, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008
- **Giáo trình “Lý luận Nhà nước và Pháp luật”** của các trường; ĐH Luật, Khoa Luật, ĐH Quốc gia
- Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật 2008
- Tác phẩm “Khế ước xã hội” của Jean Jacques Rousseau và “Bàn về Nhà nước” của V.I. Lênin tại www.marxists.org
- Một số bài báo trên tạp chí NCLP tại www.nclp.org.vn



- Đỗ Đức Minh, Học thuyết pháp trị Trung Quốc cổ đại - Một số tư tưởng cơ bản, Số 2/2002.
- Hoàng Thị Kim Quế, Tư tưởng Đông, Tây về nhà nước và pháp luật - Những nhân tố nhà nước pháp quyền, Số 3/2002.
- Bùi Ngọc Sơn, Quyền tư pháp trong các chính thể hiện đại, số 4/2002
- Đỗ Đức Minh, Quan hệ giữa chính trị và luật pháp, Số 7/2002
- Lê Quốc Hùng, Quyền lực nhà nước – thống nhất và phân công, số 2/2003
- Thái Vĩnh Thắng, Hương ước- Một hình thức pháp luật đặc thù của Việt Nam, số 2/2003.
- Nguyễn Văn Luyện- Võ Khánh Vinh, Pháp luật và lợi ích xã hội, Số 2/2003
- Vũ Hồng Anh, Ai phân công thực hiện quyền lực nhà nước, số 3/2003.
- Nguyễn Minh Đoan, Tập tục với pháp luật, số 12/2003
- Đặng Văn Khanh, Mấy vấn đề về quan hệ giữa chính sách với pháp luật, số 1/2004
- Nguyễn Thanh Bình, Tự do và pháp luật, số 9/2004
- Nguyễn Thanh Bình, Bình đẳng với pháp luật, số 12/2004
- Trần Thái Dương, Thể chế hóa đường lối của Đảng, số 12/2004
- Nguyễn Chí Dũng, Luật tục với thi hành pháp luật, số 5/2005
- Hà Thị Thanh Vân, Mối quan hệ giữa chính sách và pháp luật, số 6/2005³



BỐ CỤC CHƯƠNG I

I. NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

II. CÁC KIỂU, HÌNH THỨC, CHỨC NĂNG CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

III. CÁC KIỂU NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT CỦA GIAI CẤP BÓC LỘT

IV. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT XHCN



Các vấn đề được đề cập

- Nhà nước là gì? Pháp luật là gì? Nguyên nhân, điều kiện phát sinh Nhà nước và pháp luật?
- Những quy luật phát sinh, phát triển đặc thù, những đặc tính chung và những biểu hiện quan trọng nhất của nhà nước và pháp luật
- Bản chất, hình thức, chức năng của nhà nước và pháp luật, đặc biệt là nhà nước và pháp luật XHCN.
- Các khái niệm, phạm trù pháp luật XHCN



I. NGUỒN GỐC VÀ BẢN CHẤT CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Một số quan điểm phi Mác xít về Nhà nước và Pháp luật
2. Quan điểm Mac-Lênin về nguồn gốc và bản chất của nhà nước và pháp luật

cuu duong than cong. com



1. Một số quan điểm phi Mác xít về Nhà nước và Pháp luật

- **Thuyết thần học**

- Do đấng siêu nhiên tạo ra
- Tồn tại vĩnh viễn và bất biến

- **Thuyết gia trưởng**

- Xã hội là gia đình lớn, cần có người đứng đầu cai quản - vua
- NN & PL hình thành giúp vua cai quản

- **Thuyết khế ước xã hội**

- Các thành viên trong xã hội ký kết với nhau một khế ước giao cho nhà nước làm "trọng tài"
- Nhà nước cai trị trong khuôn khổ khế ước

- **Thuyết bạo lực**

Thị tộc chiến thắng sử dụng 1 hệ thống cơ quan đặc biệt – Nhà nước để nô dịch kẻ chiến bại

- **Thuyết tâm lý**

Nhu cầu tâm lý của con người là muốn phụ thuộc vào thủ lĩnh



2. Quan điểm Mac-Lênin về nguồn gốc và bản chất của nhà nước và pháp luật

- Nhà nước và pháp luật không phải là những hiện tượng xã hội vĩnh cửu và bất biến
- Nhà nước và pháp luật chỉ xuất hiện khi xã hội loài người đã phát triển đến một giai đoạn nhất định
- Đây là vấn đề phức tạp nhất, khó khăn nhất...và là vấn đề mà các học giả, các nhà văn, nhà triết học tư sản làm cho rắc rối nhất



2.1. Nguồn gốc và bản chất của Nhà nước

a. Nguồn gốc nhà nước

** Xã hội loài người thời kỳ công xã nguyên thủy*

- Tại sao tìm hiểu xã hội này?
- Đặc điểm của xã hội này như thế nào?
 - + Cơ sở kinh tế: công hữu về TLSX
 - + Cách thức tổ chức xã hội: thị tộc (cùng huyết thống) → bào tộc → bộ lạc
 - + Cách tổ chức quyền lực: Hội đồng thị tộc → hội đồng bào tộc → hội đồng bộ lạc (quyền lực gắn liền, hòa nhập với XH)



** Sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy và sự xuất hiện của nhà nước*

- **Nguyên nhân tan rã:** Lịch sử đã trải qua 3 lần phân công lao động xã hội lớn:
 - *Lần 1: Chăn nuôi đã trở thành một ngành kinh tế độc lập và tách khỏi trồng trọt.*
 - *Lần 2: Thủ công nghiệp tách khỏi nông nghiệp*
 - *Lần 3: Thương nghiệp xuất hiện trước nhu cầu trao đổi và sản xuất hàng hóa*



- **Hệ quả của 3 lần phân công lao động:**

- Chăn nuôi và trồng trọt phát triển, năng suất lao động tăng, sản phẩm làm ra ngày càng nhiều → **sản phẩm dư thừa**
- Nảy sinh **nhu cầu về sức lao động**
- Đẩy nhanh quá trình phân hóa xã hội, làm cho sự phân biệt giữa kẻ giàu và người nghèo, giữa chủ nô và nô lệ ngày càng sâu sắc, **mâu thuẫn giai cấp ngày càng tăng**
- Sự xuất hiện của đồng tiền (hàng hóa của các hàng hóa), nạn cho vay nặng lãi, **quyền tư hữu về ruộng đất** và chế độ cầm cố
- Hoạt động thương nghiệp, sự thay đổi nghề nghiệp và sự nhượng quyền sở hữu đất đai đã đòi hỏi phải di động và **thay đổi chỗ ở**



** Hai nguyên nhân chính làm cho cộng sản nguyên thủy tan rã và dẫn đến sự ra đời của Nhà nước:*

- *Nguyên nhân kinh tế:* Sự xuất hiện và phát triển của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất;
- *Nguyên nhân xã hội:* Sự phân chia giai cấp trong xã hội thị tộc

→ **Tóm lại:**

Khi xã hội đã phát triển đến một giai đoạn nhất định, thị tộc không còn đủ sức quản lý nữa mà đòi hỏi phải có 1 tổ chức khác → đó là **NHÀ NƯỚC**



NHÀ NƯỚC – theo quan điểm của CN Mác-Lênin:

- «Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được»
- “Nhà nước là 1 hiện tượng thuộc về bản chất của XH có giai cấp”
- “Nhà nước “không phải là một quyền lực bên ngoài áp đặt vào xã hội” mà là “một lực lượng nảy sinh từ xã hội”, một lực lượng “tựa hồ như đứng trên xã hội”, có nhiệm vụ làm dịu bớt sự xung đột và giữ cho xung đột đó nằm trong vòng “trật tự”.



** Sự khác biệt giữa Nhà nước so với tổ chức thị tộc trước kia:*

- Không phân chia dân cư theo huyết thống mà **phân chia dân cư theo lãnh thổ**, thành các đơn vị hành chính → do Nhà nước quản lý, có quyền và nghĩa vụ đối với Nhà nước đó
- Thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt, không còn hòa nhập với dân cư nữa → **quyền lực** không thuộc về mọi thành viên trong xã hội mà chỉ **thuộc về một nhóm người, đó là giai cấp thống trị**



b. Bản chất của Nhà nước

- *Tính giai cấp*

- + Về kinh tế: nắm giữ tư liệu sản xuất trọng yếu trong xã hội, đặt ra và thu các loại thuế
- + Về chính trị: thông qua bộ máy cưỡng chế (quân đội, cảnh sát, nhà tù...) thiết lập quyền lực chính trị, duy trì trật tự XH
- + Về tư tưởng: XD hệ tư tưởng của giai cấp mình, tuyên truyền, thuyết phục mọi người tuân theo

- *Tính xã hội*

- + Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong xã hội
- + Đảm bảo nhu cầu cuộc sống của cộng đồng và bảo vệ cộng đồng



Khái niệm:

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đặc biệt nhằm duy trì trật tự xã hội, thực hiện mục đích bảo vệ địa vị giai cấp thống trị trong xã hội.



2.2. Nguồn gốc và bản chất của pháp luật

a. Nguồn gốc của pháp luật

Những nguyên nhân làm xuất hiện Nhà nước cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của PL.

b. Bản chất của pháp luật

- Tính giai cấp:

- + PL phản ánh ý chí nhà nước của giai cấp thống trị, có tính bắt buộc đối với mọi người trong XH
- + PL ra đời với mục đích điều chỉnh các quan hệ XH, nó là công cụ để thực hiện thống trị giai cấp

- Tính xã hội

PL ra đời dù ít, dù nhiều cũng bảo vệ cho mọi tầng lớp, giai cấp khác nhau trong toàn XH



Khái niệm:

- " Pháp luật là một **hệ thống** các **quy tắc** điều chỉnh hành vi của con người do **Nhà nước ban hành** và **có tính cưỡng chế**"
- "Pháp luật là **ý chí của giai cấp thống trị** được **đề lên thành luật**, ý chí đó do những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội quyết định"

*(Tuyên ngôn Đảng CS)*₁₈



c. Đặc điểm của pháp luật

- PL là ý chí của **giai cấp thống trị**
- PL là những quy tắc có **tính cưỡng chế chung**
- PL do các điều kiện sinh hoạt vật chất của XH quyết định, hay nói cách khác PL là do **điều kiện kinh tế XH chi phối**
- PL là 1 trong những công cụ quan trọng nhất để giai cấp thống trị thực hiện **chuyên chính** giai cấp



II – CÁC KIỂU, CHỨC NĂNG, HÌNH THỨC CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Các kiểu, hình thức, chức năng của nhà nước

a. Kiểu nhà nước

* **Khái niệm**

Kiểu nhà nước là tổng thể các dấu hiệu cơ bản, đặc thù của nhà nước, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại và phát triển của nhà nước trong một hình thái kinh tế xã hội nhất định.



* Các kiểu nhà nước

- Kiểu nhà nước chiếm hữu nô lệ (kiểu nhà nước chủ nô)
- Kiểu nhà nước phong kiến
- Kiểu nhà nước TBCN (kiểu nhà nước tư sản)
- Kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa

* Đặc điểm

- Mỗi kiểu NN mới ra đời sau quá trình cách mạng khi giai cấp cầm quyền cũ bị lật đổ, giai cấp thống trị mới giành được chính quyền
- Kiểu NN ra đời sau bao giờ cũng tiến bộ hơn so với kiểu NN trước đó



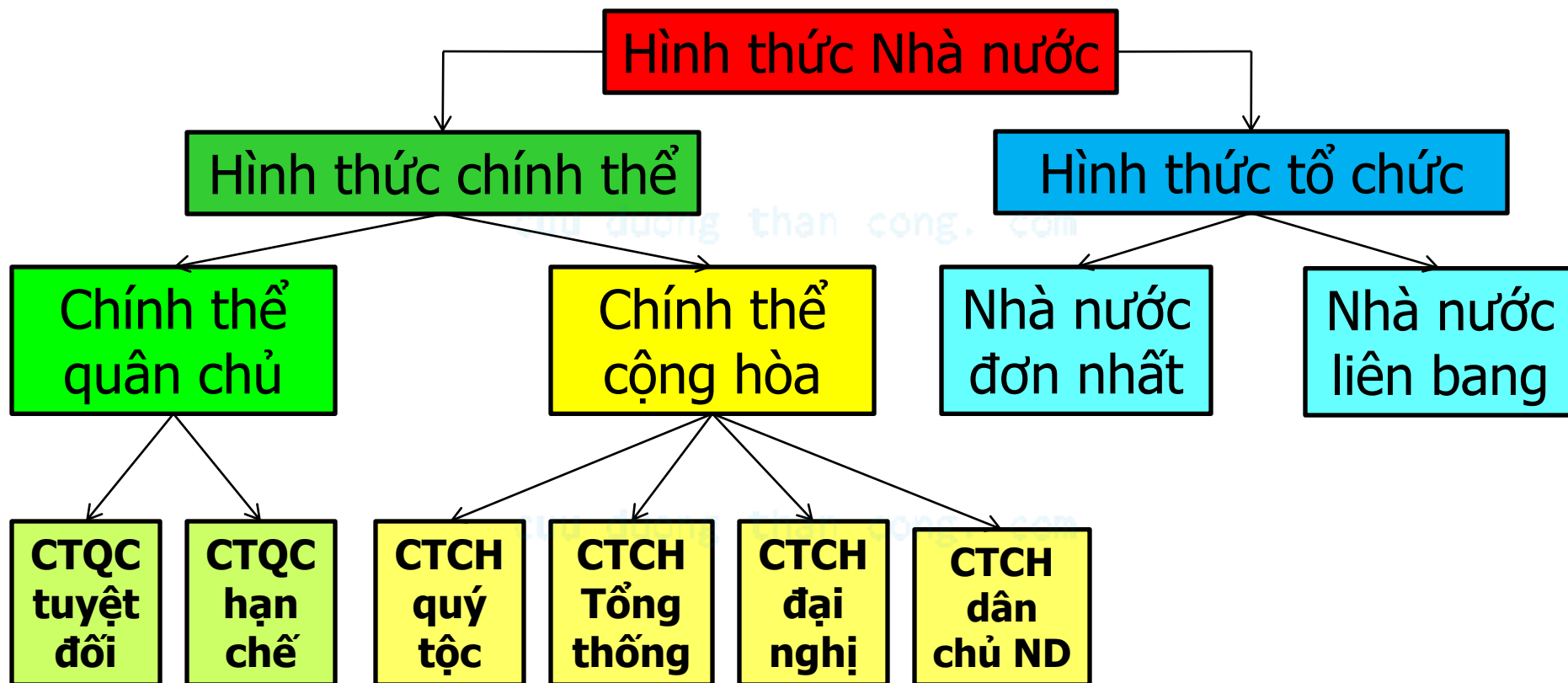
b. Hình thức của nhà nước

*** Khái niệm**

Hình thức của nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước và những phương pháp để thực hiện quyền lực nhà nước

cuu duong than cong. com

* Các loại hình thức Nhà nước





- **Hình thức chính thể** là cách thức tổ chức và trình tự để lập ra các **cơ quan tối cao** của Nhà nước và xác lập những mối quan hệ cơ bản của cơ quan đó
 - **Chính thể quân chủ** là hình thức trong đó quyền lực tối cao **tập trung toàn bộ (hay 1 phần)** trong tay **người đứng đầu** Nhà nước theo nguyên tắc **thừa kế**
 - **Chính thể cộng hòa** là hình thức trong đó quyền lực tối cao thuộc về **1 cá nhân hoặc 1 cơ quan** được **bầu ra trong 1 thời gian nhất định**
- **Hình thức tổ chức** là cách thức cấu tạo Nhà nước thành các **đơn vị hành chính lãnh thổ** và xác lập những mối quan hệ qua lại giữa các cơ quan Nhà nước, giữa trung ương với địa phương
 - **Nhà nước đơn nhất** là NN chỉ có **1 cơ quan quyền lực tối cao duy nhất** thực hiện chủ quyền QG
 - **Nhà nước liên bang** là NN có **nhiều hệ thống cơ quan quyền lực tối cao**: cơ quan của liên bang và cơ quan của từng nước thành viên trong liên bang. Mỗi hệ thống cơ quan quyền lực tối cao đó có quyền thực hiện chủ quyền QG của mình trong phạm vi thẩm quyền đã được phân chia



TÓM LẠI

- Hình thức NN có liên quan chặt chẽ đến kiểu NN
- Một kiểu NN có thể có nhiều hình thức NN khác nhau
- Một hình thức NN có thể được áp dụng trong nhiều kiểu NN khác nhau
- Có những hình thức NN chỉ thích hợp riêng với một kiểu NN nhất định nào đó chứ không thể thích hợp được với các kiểu NN khác



c. Chức năng của Nhà nước

*** Khái niệm**

Chức năng của NN là phương hướng hoạt động của NN đó trong từng thời kỳ nhất định

*** Nhà nước có 2 chức năng cơ bản**

- Chức năng đối nội

- + Trấn áp sự phản kháng của giai cấp đối lập
- + Tổ chức xây dựng kinh tế
- + Tổ chức giáo dục văn hóa, tuyên truyền tư tưởng cho ND

- Chức năng đối ngoại

- + Bảo vệ đất nước chống xâm lăng
- + Thi hành các chính sách đối ngoại

→ Nhà nước sử dụng nhiều hình thức và phương pháp hoạt động để thực hiện 2 chức năng này



2. Các kiểu, hình thức, chức năng của pháp luật

a. Kiểu pháp luật

* **Khái niệm**

Kiểu PL là tổng thể những dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản, đặc thù của PL, thể hiện bản chất giai cấp và những điều kiện tồn tại & phát triển của PL trong 1 hình thái KT-XH nhất định

* **Các kiểu PL**

Trong lịch sử XH có giai cấp có bao nhiêu kiểu NN thì có bấy nhiêu kiểu PL

* **Đặc điểm**

Phụ thuộc vào đặc điểm của các kiểu NN



b. Hình thức pháp luật

*** Khái niệm**

Hình thức pháp luật là cách thức mà giai cấp thống trị sử dụng để nâng ý chí của mình lên thành PL

*** Phân loại hình thức pháp luật**

- ***Tập quán pháp***: Là hình thức NN **thừa nhận** một số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, nâng chúng thành quy tắc ứng xử chung được nhà nước bảo đảm thực hiện

- ***Tiền lệ pháp (Án lệ)***: Là hình thức NN **thừa nhận** các quyết định của cơ quan hành chính hoặc xét xử giải quyết những vụ việc cụ thể để áp dụng đối với các vụ việc tương tự

- ***Văn bản quy phạm pháp luật***: Là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền **ban hành** trong đó quy định những quy tắc xử sự chung (quy phạm đối với mọi người) được áp dụng nhiều lần trong đời sống xã hội



c. Chức năng của pháp luật

- Ấn định tổ chức của quốc gia, của xã hội
- Điều chỉnh các quan hệ xã hội quan trọng nhất như quan hệ giữa các cơ quan chính quyền với dân, quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp nhân dân với nhau
- Định ra những chuẩn mực, khuôn phép cho những hành động hoặc cư xử của nhân dân
- Xây dựng trật tự xã hội



d. Các hệ thống PL chủ yếu trên thế giới

- **Common Law (hệ thống PL Anh, Mỹ)**
- **Civil Law (hệ thống PL châu Âu lục địa)**
- **Islamic Law (hệ thống PL Hồi giáo)**
- **Indian Law (hệ thống PL Ấn Độ)**
- **Chinese Law (hệ thống PL Trung Quốc)**
- **Socialist Law (hệ thống PL XHCN)**
- **Africa Law (hệ thống PL Châu phi)**



III – CÁC KIỂU NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT CỦA CÁC GIAI CẤP BỐC LỘ

(đọc giáo trình)

- 1. Nhà nước và pháp luật chủ nô**
- 2. Nhà nước và pháp luật phong kiến**
- 3. Nhà nước và pháp luật tư sản (TBCN)**

cuu duong than cong. com



IV. NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Tính tất yếu khách quan

- Những tiền đề kinh tế

- + Quan hệ SX TBCN xây dựng dựa trên chế độ tư hữu về TLSX và thể hiện sự bóc lột giá trị thặng dư
- + CNTB phát triển thành chủ nghĩa đế quốc

- Những tiền đề chính trị - xã hội

- + Giai cấp tư sản: phản dân chủ, quan liêu, độc tài
- + Giai cấp vô sản: trưởng thành, được trang bị vũ khí lý luận sắc bén

- Những yếu tố dân tộc và thời đại

Nhiều cuộc cách mạng vô sản trên thế giới nổ ra và đã dành thắng lợi



b. Bản chất của Nhà nước XHCN

Chuyên chính vô sản

- Là **bao lực đối với giai cấp tư sản** và tầng lớp bóc lột khác nói chung → đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới
- Là cuộc đấu tranh của **giai cấp vô sản chiến thắng**, đã nắm chính quyền trong tay, chống lại giai cấp tư sản, đã chiến bại nhưng chưa bị tiêu diệt, chưa thôi phản kháng mà ngược lại, còn tăng cường phản kháng mạnh
- **Liên minh công nông** là nguyên tắc tối cao của chuyên chính vô sản
- Mục đích của chuyên chính vô sản là xây dựng một **XH không có người bóc lột người, ấm no, hạnh phúc**



c. Chức năng của nhà nước XHCN (giáo trình)

- Chức năng đối nội
- Chức năng đối ngoại

d. Hình thức nhà nước XHCN

- **Cộng xã Pari**: tồn tại ở Pari năm 1871.
- **Cộng hoà Xô Viết**: tồn tại ở nước Nga sau khi Cách mạng Nga thành công năm 1917.
- **Cộng hoà dân chủ nhân dân**: tồn tại ở các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu, châu á, và châu Mỹ La tinh từ những năm 1990 trở về trước



2. Pháp luật xã hội chủ nghĩa

a. Bản chất của pháp luật XHCN

- PL XHCN là một **hệ thống** những **quy tắc xử sự** có tính **thống nhất** nội tại cao
- PL XHCN thể hiện ý chí của **giai cấp công nhân và nhân dân lao động**
- PL XHCN **do nhà nước XHCN** - nhà nước dân chủ thể hiện quyền lực của đông đảo nhân dân lao động, **ban hành** và **bảo đảm thực hiện**
- PL XHCN có **quan hệ chặt chẽ** với **chế độ KT XHCN**
- PL XHCN có **quan hệ mật thiết** với **đường lối, chủ trương, chính sách** của Đảng cộng sản
- PL XHCN có **quan hệ chặt chẽ** quy phạm XH khác trong CNXH.



Khái niệm

PL XHCN là hệ thống các quy tắc xử sự, thể hiện ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng, do nhà nước xã hội chủ nghĩa ban hành và bảo đảm thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế nhà nước trên cơ sở giáo dục và thuyết phục mọi người tôn trọng và thực hiện.



b. Những nguyên tắc cơ bản của PL XHCN

- Bảo vệ và củng cố chính quyền nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản
- Bảo vệ và tăng cường chế độ sở hữu XHCN
- Bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật của mọi công dân; bảo đảm dân chủ thực sự cho công dân
- Kết hợp quyền lợi cá nhân với quyền lợi tập thể trong đó quyền lợi của xã hội là cơ sở bảo đảm quyền lợi cá nhân
- Nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế vô sản
- Nguyên tắc nhân đạo chủ nghĩa



c. Hình thức của pháp luật XHCN

Văn bản quy phạm pháp luật

*** Khái niệm**

VBQPPL là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định trong đó có quy tắc xử sự chung, được Nhà nước bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa và được áp dụng nhiều lần trong thực tế đời sống.



* Đặc điểm

- Do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành
- Chứa đựng những quy tắc xử sự chung (hay còn gọi là các QPPL)
- Được áp dụng nhiều lần trong cuộc sống
- Tên gọi, nội dung và trình tự ban hành các loại VB QPPL được quy định cụ thể trong pháp luật

* Phân loại VBQPPL

- Văn bản luật: Hiến pháp, Luật (Bộ luật)
- Văn bản dưới luật: Pháp lệnh, Lệnh, Nghị định, Nghị quyết, Quyết định, Thông tư, Chỉ thị...



3. Các khái niệm, phạm trù liên quan đến PL XHCN

3.1. Hệ thống pháp luật

3.2. Quy phạm pháp luật

3.3. Quan hệ pháp luật

3.4. Pháp chế xã hội CN

3.5. Nhà nước pháp quyền



3.1. Hệ thống pháp luật

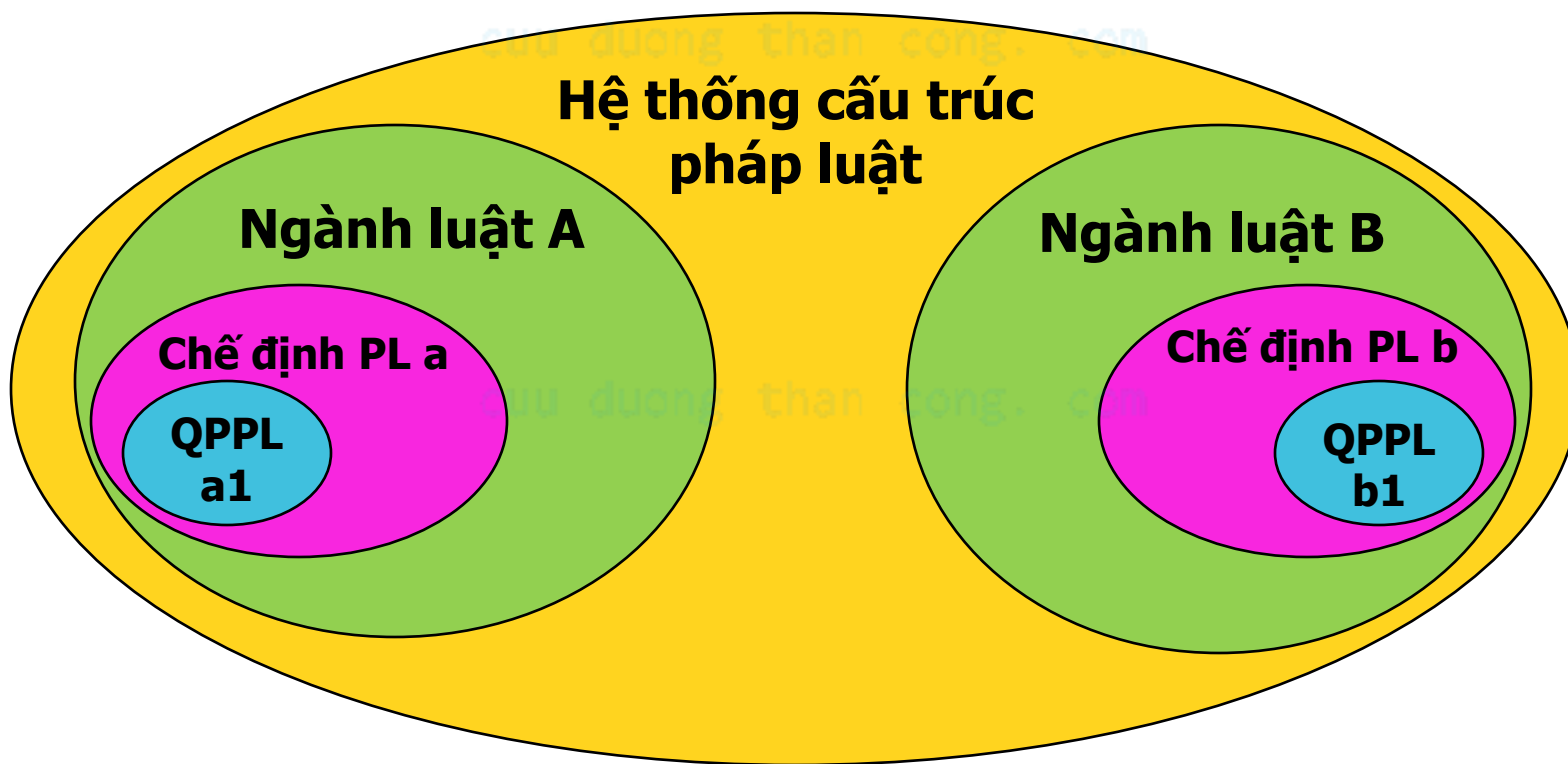
a. Khái niệm

Hệ thống PL là tổng thể các QPPL có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định pháp luật, các ngành luật **và** được thể hiện trong các văn bản do Nhà nước ban hành theo những trình tự, thủ tục và hình thức nhất định

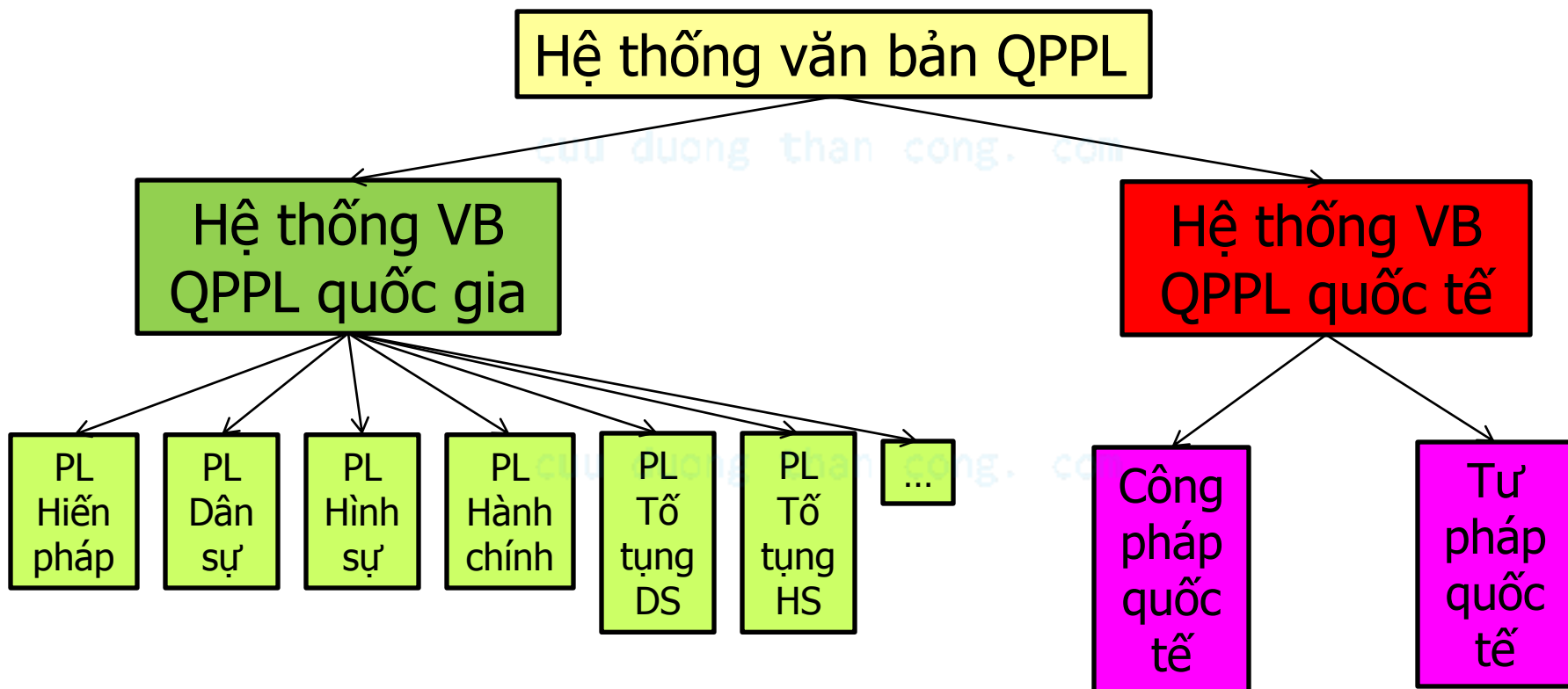
b. Cấu trúc và hình thức của PL

- Cấu trúc bên trong của PL
- Hình thức biểu hiện bên ngoài của PL

- **Cấu trúc bên trong của pháp luật (hệ thống cấu trúc của PL):** là tổng thể các QPPL có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau, được phân định thành các chế định PL và các ngành luật.



- **Hình thức biểu hiện bên ngoài của PL
(Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật):**





3.2. Quy phạm pháp luật

a. Khái niệm

QPPL là quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh quan hệ xã hội theo những định hướng nhất định

b. Đặc điểm

- QPPL luôn gắn liền với Nhà nước
- QPPL được đặt ra không phải chỉ để điều chỉnh một quan hệ xã hội cụ thể mà để điều chỉnh các quan hệ xã hội chung
- QPPL vừa mang tính xã hội vừa mang tính giai cấp
- QPPL của các Nhà nước hiện đại chủ yếu là QPPL thành văn



c. Cơ cấu của quy phạm pháp luật

- * **Giả định:** nêu lên phạm vi tác động của QPPL, tức là, nêu lên những **hoàn cảnh, điều kiện** có thể xảy ra trong cuộc sống **và cá nhân hay tổ chức nào** ở vào những hoàn cảnh điều kiện đó phải chịu sự tác động của QPPL đó
→ *Tổ chức, cá nhân nào? Khi nào?*
- * **Quy định:** nêu **cách xử sự** mà tổ chức hay cá nhân ở vào hoàn cảnh, điều kiện đã nêu trong bộ phận giả định của QPPL **được phép hoặc buộc phải thực hiện**
→ *Được làm gì? Phải làm gì? Không được làm gì? Làm như thế nào?*
- * **Chế tài:** nêu lên những **biện pháp** tác động mà **Nhà nước** dự kiến để **đảm bảo cho PL được thực hiện nghiêm minh**
→ *Hậu quả sẽ thế nào nếu vi phạm PL?*



d. Phân loại quy phạm pháp luật

- ***Căn cứ vào đối tượng điều chỉnh***

- QPPL hình sự
- QPPL dân sự
- QPPL hành chính...

- ***Căn cứ vào nội dung của QPPL***

- QPPL định nghĩa
- QPPL điều chỉnh
- QPPL bảo vệ

- ***Căn cứ vào hình thức mệnh lệnh nêu trong QPPL***

- QPPL dứt khoát
- QPPL không dứt khoát (QPPL tùy nghi)
- QPPL hướng dẫn



3.3. Quan hệ pháp luật

a. Khái niệm

QHPL là quan hệ giữa người với người (quan hệ xã hội) do một QPPL điều chỉnh, biểu hiện thành quyền và nghĩa vụ pháp lý cụ thể của các bên, được đảm bảo bằng cưỡng chế của Nhà nước

b. Đặc điểm

- Là quan hệ xã hội có ý chí
- Xuất hiện trên cơ sở các QPPL
- Quy định quyền và nghĩa vụ của các chủ thể
- Được bảo đảm bằng biện pháp cưỡng chế của Nhà nước



c. Điều kiện làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt QHPL (3 điều kiện)

- Phải có QPPL tương ứng với quan hệ xã hội, điều chỉnh quan hệ xã hội ấy
- Phải có sự kiện pháp lý
 - Sự kiện pháp lý là những sự kiện, sự việc thực tế cụ thể của đời sống mà khi chúng xảy ra thì do quy định của QPPL sẽ làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt các QHPL
 - Sự kiện thực tế được gọi là sự kiện pháp lý khi sự kiện này đã được quy định trong phần giả định của QPPL
- Phải có các yếu tố cấu thành QHPL: chủ thể, khách thể, nội dung



Yếu tố cấu thành QHPL

- **Chủ thể của QHPL:** là những cá nhân/ tổ chức có **năng lực chủ thể**, tức là được nhà nước trao cho những quyền và nghĩa vụ chủ thể nhất định
→ Năng lực chủ thể bao gồm:
 - Năng lực pháp luật
 - Năng lực hành vi
- **Khách thể của QHPL:** là đối tượng, là cái mà chủ thể của QHPL nhằm vào, mong muốn đạt được. (có thể là vật, hành vi hoặc bất tác hành vi)
- **Nội dung của QHPL:** là quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể QHPL.



3.4. Pháp chế XHCN

a. Khái niệm

Pháp chế XHCN là chế độ quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý đời sống xã hội theo pháp luật và bằng pháp luật XHCN

b. Yêu cầu (điều kiện) để thực hiện pháp chế XHCN

cuuduongthancong.com

- Phải có hệ thống pháp luật đầy đủ, hoàn chỉnh, không ngừng được bổ sung, sửa đổi cho hoàn thiện và phù hợp với ý chí, và nguyện vọng của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động vì pháp luật là cơ sở của pháp chế
- Phải có cơ chế và biện pháp bảo đảm cho pháp luật đó được thực hiện nghiêm chỉnh và triệt để.

c. Thực trạng pháp chế ở nước ta trong thời gian qua



3.5. Nhà nước pháp quyền

a. Khái niệm

Nhà nước pháp quyền là một tổ chức pháp lý nhằm thực hiện quyền lực của nhân dân

b. Đặc điểm

- Tôn trọng và tuân thủ triệt để pháp luật
- Sự phát triển của cá nhân con người là mục tiêu và có giá trị cao quý nhất
- Nhà nước pháp quyền với ý nghĩa là bộ máy quyền lực phải được phân công, phân nhiệm
- Nhà nước pháp quyền là nhà nước hòa đồng trong cộng đồng quốc tế



c. Nhà nước pháp quyền Việt Nam

- Nhà nước Việt Nam là nhà nước của khối đoàn kết toàn dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông và trí thức do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo
- Nhà nước của dân, do dân, và vì dân, tất cả quyền lực của nhà nước đều thuộc về nhân dân
- Quyền lực của nhà nước thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện 3 quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp.



Thank You !

cuu duong than cong. com